

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN CHO VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP

NGUYỄN THỊ LIÊN
HƯƠNG^{□□} NGUYỄN BÍCH
HƯƠNG THẢO^{□□□}

TÓM TẮT: Theo cam kết của Cộng đồng kinh tế ASEAN, kế toán - kiểm toán là một trong 8 lĩnh vực ngành nghề được công nhận tay nghề tương đương, được tự do di chuyển lao động giữa các nước thành viên. Điều này mở ra nhiều cơ hội việc làm nhưng đồng thời cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán thời kỳ hội nhập. Một số đánh giá cho rằng, chất lượng nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán của Việt Nam chưa cao, là một trong những rào cản chính khiến đến nay Việt Nam vẫn là 1 trong 8 quốc gia còn lại trên thế giới chưa cam kết áp dụng hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Mục tiêu bài viết này muốn đứng trên góc độ đào tạo, xác định nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là hội nhập về IFRS.

Từ khóa: chất lượng đào tạo, chất lượng nhân lực, kế toán - kiểm toán, hội nhập.

ABSTRACT: According to the commitment of the ASEAN Economic Community, Accounting and Auditing is recognised as one of the eight equivalently skilled occupations in which free movement of skilled labours is enabled among ASEAN countries. This opens many job opportunities but at the same time imposes increasingly higher requirements for the quality of accountants and auditors in the intergration period. The quality of Vietnamese accountants and auditors is assessed as low, which is one of main barriers leading to the fact that Vietnam is one of the remaining eight countries in the world not yet committed to adopt International Financial Reporting Standards (IFRSs). From an educator's view, this paper aims to identify the causes and provide some recommendations to improve the training quality, towards providing high quality accountants and auditors in order to meet the requirements of international economic integration, especially in terms of IFRSs..

Key words: training quality, quality of accountants and auditors, intergration.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vai trò của nguồn nhân lực đối với tăng trưởng kinh tế đã được ghi nhận trong các lý thuyết về tăng trưởng nội sinh. “Romer (1986), Lucas (1988), Squire (1993), Schultz (1999), Bassanini & Scarpetta (2001) đã xác định nguồn nhân lực trở thành yếu tố quyết định

tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo” (Nguyễn Ngọc Hùng, 2016). Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Việt Nam cũng đã khẳng định phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược của quá trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã

□□ Thạc sĩ. Trường Đại học Nha Trang.

□□□ Thạc sĩ. Trường Đại học Nha Trang.

hội của đất nước; đồng thời là nền tảng phát triển bền vững và gia tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia trong quá trình hội nhập (Chính phủ, 2011).

Theo báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu của ngân hàng Thế giới, năm 2016-2017, điểm số về khả năng cạnh tranh của Việt Nam đạt 4.31 điểm (trên thang điểm 7), xếp vị trí 60 trên tổng 138 nước được đánh giá, thấp hơn với nhiều nước trong khu vực như Thái Lan, Philippin, Malaysia, Indonesia... và đặc biệt thấp hơn nhiều về năng lực cạnh tranh so với

Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó, chỉ số đánh giá về hiệu quả giáo dục đại học và đào tạo nghề (một trong những chỉ tiêu đo lường năng lực cạnh tranh của quốc gia) và chỉ số chất lượng hệ thống giáo dục của Việt Nam chỉ cao hơn một vài nước trong khu vực như Campuchia và Lào. Điều này cho thấy chất lượng đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam nói chung chưa đạt hiệu quả cao và chưa đáp ứng đủ với yêu cầu cạnh tranh của bối cảnh hội nhập.

Bảng 1: Thống kê một số chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh quốc gia

Quốc gia	GCI (Global Competitiveness Index)				Hiệu quả giáo dục đại học và đào tạo		Chất lượng của hệ thống giáo dục	
	2016-2017		2015-2016		2016-2017		2016-2017	
	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm	Xếp hạng	Điểm
Brunei	58	4.35	-	-	65	4.5	36	4.4
Campuchia	89	3.98	90	3.9	124	2.9	87	3.4
Trung quốc	28	4.95	28	4.9	54	4.6	43	4.3
Ấn độ	39	4.52	55	4.3	81	4.1	29	4.5
Indonesia	41	4.52	37	4.5	63	4.5	39	4.4
Nhật bản	8	5.48	6	5.5	23	5.4	37	4.4
Hàn quốc	26	5.03	26	5.0	25	5.3	75	3.6
Lào	93	3.93	83	4.0	106	3.4	54	4.1
Malaysia	25	5.16	18	5.2	41	5.0	12	5.3
Philippine	57	4.36	47	4.4	58	4.6	44	4.3
Singapo	2	5.72	2	5.7	1	6.3	2	5.9
Thái	34	4.64	32	4.6	62	4.5	67	3.7
Việt Nam	60	4.31	56	4.3	83	4.1	76	3.6

Đánh giá riêng về nguồn nhân lực kế toán Việt Nam, một trong những nguồn nhân lực đang đón nhận nhiều cơ hội mở rộng việc làm cũng như đang phải đối mặt trước áp lực cạnh tranh gay gắt về chất lượng của môi trường hội nhập, nhiều nghiên cứu cũng kết luận rằng: “mặc dù số lượng nhân sự ngành kế toán, kiểm

toán được đào tạo hàng năm của các cơ sở đào tạo là rất lớn nhưng trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng mềm khác của đội ngũ cán bộ kế toán, kiểm toán chưa cao, chưa đạt được đến mặt bằng chung của khu vực” (Nguyễn Vĩnh Hoàng, 2016); “đội ngũ kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ theo

quy chuẩn quốc tế còn quá mỏng về số lượng và hạn chế về chất lượng...” (Vũ Đình Ánh, 2016).

Vì thế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung, “nhanh chóng phát triển nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán chất lượng cao nói riêng ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực cả về số lượng và chất lượng” (Chính phủ, 2013) đang trở thành nhu cầu cấp thiết của toàn xã hội. Để đáp ứng được nhu cầu này, các trường đại học, cao đẳng đào tạo kế toán – kiểm toán không cách nào khác phải đổi mới để nâng cao chất lượng đào tạo; cụ thể đổi mới kế hoạch - chương trình đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo. Kết quả đào tạo phải xây dựng được nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán có trình độ, chuyên nghiệp, có khả năng cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế hội nhập.

2. THỰC TRẠNG VỀ NĂNG LỰC - KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CÔNG VIỆC CỦA SINH VIÊN KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN SAU TỐT NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KẾ TOÁN QUỐC TẾ

Là một trong những trường đại học có chức năng đào tạo ngành kế toán, trong suốt 20 năm qua, Đại học Nha Trang (trước đây là Đại

học Thủy Sản) đã tham gia đào tạo và cung cấp cho xã hội một lực lượng kế toán viên không nhỏ, góp phần đáp ứng đáng kể nhu cầu nhân lực cho ngành kế toán – kiểm toán không chỉ trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ mà còn cho các vùng miền khác trên cả nước. Để có được được những đánh giá chính xác và khách quan về chất lượng của công tác đào tạo kế toán, phục vụ cho mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đào tạo nguồn nhân lực kế toán có chất lượng cao, trong năm 2016, khoa Kế toán - Tài chính đã thực hiện đợt khảo sát ý kiến của cơ quan sử dụng lao động, nơi các cựu sinh viên kế toán của Đại học Nha Trang đang làm việc. Bảng khảo sát được thiết kế gồm 25 chỉ tiêu và được chia làm 3 nhóm nhằm đánh giá toàn diện về kiến thức, kỹ năng/khả năng làm việc cũng như phẩm chất nghề nghiệp của sinh viên kế toán sau tốt nghiệp khi đáp ứng yêu cầu công việc. Mỗi chỉ tiêu được đánh giá ở 6 mức: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu, Kém và Không nhận xét được. Cách qui đổi ra điểm như sau: Tốt: 6đ; Khá: 5đ; TB: 4đ; Yếu: 3đ; Kém: 2đ; Không nhận xét được: 1đ. Kết quả đánh giá thu thập từ các phiếu khảo sát, sau khi tiến hành thống kê được tổng hợp và phản ánh ở bảng dưới đây.

Bảng 2: Tổng hợp nhận xét của các cơ quan sử dụng lao động

	Các chỉ tiêu phân tích	Điểm TB
	<i>Về kiến thức của SV tốt nghiệp</i>	
1	Kiến thức nền tảng	5.18
2	Kiến thức chuyên môn	5.20
3	Kiến thức về quản lý, điều hành	4.67
4	Kiến thức chung về văn hóa, xã hội	4.93
5	Hiểu biết thực tế và các vấn đề đương đại của ngành nghề	4.87
	<i>Về kỹ năng/khả năng của SV tốt nghiệp</i>	
6	Kỹ năng nghiệp vụ, tay nghề chuyên môn	5.13
7	Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc	4.11
8	Khả năng ứng dụng tin học trong công việc	5.19
9	Khả năng tổ chức, quản lý, điều hành	4.59

	Các chỉ tiêu phân tích	Điểm TB
	<i>Về kiến thức của SV tốt nghiệp</i>	
10	Khả năng lập kế hoạch, dự án	4.49
11	Khả năng giao tiếp, trình bày (nói, viết)	5.09
12	Khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề	4.92
13	Khả năng làm việc độc lập	5.03
14	Khả năng làm việc nhóm	4.99
15	Khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế	4.46
	<i>Về phẩm chất của SV tốt nghiệp</i>	
16	Ý thức học tập cầu tiến	5.39
17	Ý thức trách nhiệm	5.50
18	Ý thức tổ chức, kỷ luật	5.47
19	Ý thức tập thể, cộng đồng	5.47
20	Tính nghiêm túc, trung thực	5.59
21	Tính cần cù, chịu khó	5.52
22	Tính cẩn trọng, chu đáo	5.42
23	Tính năng động, sáng tạo	5.16
24	Khả năng chịu áp lực cao trong công việc	5.24
25	Đạo đức nghề nghiệp	5.53

Từ bảng dữ liệu trên cho thấy hầu hết các chỉ tiêu nhận xét đối với sinh viên ngành kế toán đã tốt nghiệp ra trường đều trên 4,0; điều này có nghĩa cho rằng trình đào tạo ngành kế toán được đánh giá từ mức khá đến khá tốt. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về phẩm chất đạo đức và phẩm chất nghề nghiệp có điểm đánh giá trung bình tổng đối cao và đồng đều (trên 5) so với 2 nhóm chỉ tiêu còn lại; chỉ tiêu Tính nghiêm túc, trung thực của sinh viên được đánh giá cao nhất (5,59) trong tổng số 25 chỉ tiêu được khảo sát; qua đó có thể thấy phẩm chất của sinh viên kế toán được đề cao và có thể đáp ứng tốt được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán – kiểm toán. Các chỉ tiêu về kiến thức chuyên môn và kiến thức nền tảng được đánh giá ở mức tương đối khá (trên 5); tuy nhiên kiến thức về quản lý điều hành và hiểu biết kiến thức thực tế chỉ đạt ở mức trên trung bình (trên 4). Nhóm chỉ tiêu đánh giá kỹ năng/khả

năng của sinh viên cho thấy các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc, phát hiện giải quyết vấn đề, lập kế hoạch dự án, kỹ năng làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế đều đạt ở mức độ trung bình thấp. Hai chỉ tiêu được đánh giá thấp nhất lần lượt thuộc về Khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc (4,11) và Khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế (4,46), điều này đang và sẽ tiếp tục trở thành rào cản rất đáng quan ngại đối với nhân lực kế toán để có thể tồn tại và phát triển với nghề nghiệp kế toán, đặc biệt khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào các định chế tài chính quốc tế.

Tóm lại, kết quả đợt khảo sát cho thấy, ý kiến chung của người sử dụng lao động đều cho rằng kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm của sinh viên kế toán ĐH Nha Trang hiện vẫn còn chưa đáp ứng tốt so với nhu cầu, khả năng

sẽ càng khó khăn hơn để đáp ứng được nhu cầu hội nhập kế toán quốc tế khi mà khả năng ngoại ngữ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng còn thấp.

Thực trạng này cũng xảy ra tương tự với trường Đại học Lao động – Xã hội (có hơn 20 năm bề dày kinh nghiệm trong đào tạo kế toán) khi cuộc khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp của trường này cũng đi đến cùng kết luận: “tình trạng thiếu kinh nghiệm làm việc, trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu công việc, thiếu kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn là những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến những khó khăn khi tiếp cận công việc của sinh viên kế toán sau khi ra trường” (Bùi Thị Ngọc, 2015).

Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo, các trường đại học lớn và cưu tín về chuyên ngành kế toán - kiểm toán của Việt Nam cũng cho thấy: “kiến thức, toj duy về các vấn đề toàn cầu còn hạn chế, khó hội nhập sâu rộng với ngành kế toán, kiểm toán quốc tế; có tới 2/3 khảo sát trả lời chưa thể nắm bắt được công việc kế toán hay kiểm toán ngay khi được giao mà phải qua đào tạo, hợjng dẫn lại; với kiến thức chủ yếu là lý thuyết hàn lâm, đội ngũ nhân lực kế toán - kiểm toán mới tốt nghiệp đại học chưa đáp ứng được ngay yêu cầu thực tế của các đơn vị kinh tế trong nước; và gần như 100% khảo sát tự cảm thấy chưa thể cung ứng ngay dịch vụ kế toán - kiểm toán cho các đơn vị kinh tế nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Nguyên nhân là do rất yếu về ngoại ngữ, chỉ mới biết đọc tài liệu, còn các kỹ năng nghe, nói thực hành đều rất yếu. Như vậy, đội ngũ này cũng chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường việc làm trong nước, chưa kể đến việc ra nước ngoài” (Vũ Đình Ánh, 2016). “Xét tổng thể nhân lực ngành Kế toán – Kiểm toán Việt Nam kém cạnh tranh, mặc dù số lượng lao động dồi dào, giá cả rẻ nhưng không đáp ứng được nhu cầu nhà tuyển dụng kể cả

trong nước chứ chưa nói đến phạm vi toàn cầu do năng suất thấp, ngoại ngữ kém, còn khoảng cách khá lớn giữa đào tạo và nhu cầu thực tiễn nên giá trị gia tăng mang lại chưa tương xứng với nguồn lực” (Lê Thanh Bằng, 2015).

Như vậy, tình trạng chung về năng lực của sinh viên kế toán – kiểm toán sau tốt nghiệp đều ở mức chưa đáp ứng tốt yêu cầu công việc, kém khả năng cạnh tranh, kém khả năng thích ứng vì thiếu kinh nghiệm thực tế, thiếu kỹ năng và khả năng ngoại ngữ không tốt.

3. NGUYÊN NHÂN

Tình trạng yếu kém về chất lượng nhân lực kế toán – kiểm toán thời gian qua có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân, nhưng đứg trên góc độ đào tạo, trách nhiệm lớn thuộc về chương trình đào tạo, về nội dung và phương pháp đào tạo kế toán tại các trường đại học, chẳng là không thể chối bỏ.

Chương trình, nội dung đào tạo còn nặng về lý thuyết, xa rời thực tiễn, chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chương trình đào tạo có ảnh hưởng quan trọng đến với chất lượng đào tạo đại học. Ở góc độ nhất định, chương trình nội dung đào tạo thế nào, chất lượng đào tạo thế ấy. Nhiều chuyên gia đã nhận định rằng, chương trình, nội dung đào tạo đại học Việt Nam còn lạc hậu, được xây dựng chủ yếu bằng chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ yếu là đào tạo theo một chiều, dựa trên nội dung chương trình đã được xây dựng sẵn. Phần lớn nội dung chương trình giảng dạy nặng về lý thuyết hơn thực tế, thời lượng dành cho tổ chức triển khai các hoạt động nghề nghiệp còn hạn chế; tính liên kết/ xuyên chuỗi giữa các môn chuyên ngành trong việc ứng dụng vào thực tế cụ thể như là cách sử dụng phần mềm kế toán, đối chiếu kiểm tra chứng từ kế toán, đọc và lập báo cáo tài chính, lập báo cáo thuế còn chưa cao; các học phần được thiết kế trong chương trình theo hướng phủ rộng chứ chưa chuyên sâu về kiến thức nghề nghiệp cần thiết; các học phần hoặc các

chương trình hoạt động ngoại khóa trang bị và rèn luyện cho sinh viên về kỹ năng còn thiếu, sinh viên chưa có điều kiện đọc trang bị tốt nên khả năng vận dụng và phát huy các kỹ năng phát hiện giải quyết vấn đề, lập kế hoạch dự án, kỹ năng làm việc nhóm và đặc biệt là kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc đa dạng và hội nhập quốc tế chưa hiệu quả. Vì vậy nhiều kiến thức và kỹ năng trang bị cho sinh viên sau khi tốt nghiệp xa vời với yêu cầu mà thực tế công việc đòi hỏi. Điều này dẫn đến thực trạng sản phẩm đào tạo của các trường đại học thì thừa trong khi thị trường lao động vẫn thiếu trầm trọng nguồn nhân lực chất lượng cao.

Hàm lượng đào tạo tiếng Anh chuyên ngành chưa được quan tâm đầu tư đúng mức từ chương trình đến nội dung đào tạo, điều này khiến cho các sinh viên gặp nhiều khó khăn để đáp ứng yêu cầu công việc cũng như tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ kế toán quốc tế để tiếp cận với chuẩn mực kế toán quốc tế.

Bên cạnh đó, *năng lực, đội ngũ quản lý và giảng viên đại học vừa thiếu và yếu.* Việc "đôn" các trường cao đẳng lên đại học và mở nhiều đại học dân lập trong khi chưa chuẩn bị đủ điều kiện cần thiết, cùng với việc kỷ cương ở đại học còn bị buông lỏng, càng làm cho đội ngũ ở đại học Việt Nam yếu hơn.

Đồng thời, *cơ sở vật chất tại các trường đại học Việt Nam còn bất cập*, đặc biệt là quỹ đất, các phòng thực hành và thư viện còn nhiều hạn chế. Khuôn viên các đại học Việt Nam quá nhỏ bé, thua các đại học thế giới rất xa. Điều này dẫn đến hạn chế khả năng đào tạo, nghiên cứu của giảng viên và cả sinh viên. Một số trường đại học tại thực đang hoạt động trong điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị chưa đủ (đi thuê của các trường khác) và sử dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu từ các trường công lập nên việc chủ động làm việc cho các trường tại thực không thông xuyên.

Mặt khác, các trường tại thực không có đủ thư viện, tài liệu và sách vở phục vụ cho việc dạy và học.

Thêm nữa, *các trường đại học thiếu một hệ thống chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng.* Các cơ sở giáo dục đại học lạm dụng quyền tự chủ, hạ chuẩn tuyển sinh; tuyển số sinh viên nhiều hơn khả năng đào tạo mà không tính đến số lượng, chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất; mở thêm ngành đào tạo ồ ạt mà không theo một chiến lược nào, đổ xô vào ngành "hot" mà bất chấp khả năng, mục tiêu, sứ mạng của mình, làm mất cân đối lớn trong xã hội. Nguyên nhân của vấn đề trên là giáo dục đại học vẫn chưa dựa vào sử dụng hệ thống chỉ số thực hiện và chuẩn mực chất lượng làm cơ sở pháp lý.

4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN CHO VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP

Troạt những đòi hỏi về trình độ, năng lực và kỹ năng ngày càng cao đối với nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán thời kỳ hội nhập, các trường cần phải nhanh chóng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo. Một số đề xuất để đổi mới công tác đào tạo kế toán nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán cụ thể như sau:

Thứ nhất, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo: Khi xây dựng chương trình đào tạo, các trường cần tham khảo các chương trình tương tự của các trường đầu ngành trong nước và các trường đại học tiên tiến ở nước ngoài; đồng thời, tìm hiểu kỹ nhu cầu thị trường đối với lực lượng lao động để xây dựng chương trình đào tạo có tính thực tiễn cao. Chương trình đào tạo, cần có sự tham gia góp ý từ các nhà sử dụng lao động; đối với các học phần mang tính thực tiễn, nên mời các nhà sử dụng lao động tham gia đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của sinh viên.

Chương trình đào tạo cần được đổi mới theo hướng tăng cường đào tạo gắn với thực tiễn, tạo ra được nguồn nhân lực có chất lượng cao để sử dụng tại chỗ và xuất khẩu nhân lực đáp ứng nhu cầu sử dụng của các nước trong khu vực và trên thế giới. Cụ thể:

- Chương trình đào tạo phải hướng tới việc giảm thời lượng đối với những học phần không liên quan trực tiếp tới ngành nghề, tăng thời lượng các học phần chuyên ngành sâu; tổ chức các nhóm học phần phù hợp với định hướng lựa chọn lĩnh vực kế toán như nhóm học phần đào tạo kế toán hành chính sự nghiệp, kế toán doanh nghiệp, kế toán quốc tế để có sự tập trung đào tạo kiến thức chuyên sâu hơn, đáp ứng sát hơn với yêu cầu thực tế công việc tại đơn vị. Nội dung học phần đào tạo nên được thiết kế theo hướng giải quyết các phần hành kế toán của đơn vị.

- Chương trình và nội dung đào tạo của các trường đại học cần tiếp cận được với các chương trình kế toán quốc tế qua đó giúp sinh viên đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập cũng như có đủ điều kiện để dễ dàng đạt được các chứng chỉ hành nghề quốc tế như CPA, ACCA...

- Tăng thời lượng thực hành để sinh viên có khả năng thực hành thực tế tại đơn vị kế toán cụ thể như phải lập được chứng từ kế toán, tổ chức được chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán và lập/lên báo cáo tài chính cho các chỉ tiêu/khoản mục liên quan.

- Tăng hàm lượng giảng dạy về chuẩn mực kế toán và chuẩn mực báo cáo tài chính. Nên đưa thêm học phần về chuẩn mực kế toán quốc tế vào chương trình đào tạo.

- Cần cập nhật kịp thời các thông tin thay đổi hiện tại liên quan đến ngành kế toán như cập nhật thông tin, quyết định mới về kế toán và kiến thức chuyên môn khác có liên quan đến ngành kế toán.

- Xây dựng lộ trình giảng dạy bằng tiếng Anh, bắt đầu từ việc đưa các thuật ngữ tiếng Anh vào giảng dạy, lựa chọn những học phần chính và học phần điều kiện để tham gia thi/học các chương trình đào tạo lấy chứng chỉ kế toán quốc tế, sau đến có thể xây dựng chương trình đào tạo kế toán bằng tiếng Anh song song với chương trình kế toán bằng tiếng Việt để đáp ứng đa dạng nhu cầu của người học và đa dạng nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Phẩm chất - đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán cần được thông xuyên lồng ghép trong chương trình giảng dạy ở các trường cao đẳng, đại học. Cụ thể như đưa Quyết định số 87/2005/QĐ-BTC và Thông tư 70/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam vào nội dung giảng dạy. Qua đó trang bị và rèn luyện cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp khi hành nghề kế toán ngay từ lúc sinh viên mới bắt đầu được tiếp cận với kiến thức kế toán. Chuẩn mực đạo đức hành nghề kế toán chính là công cụ hữu hiệu giúp nâng tầm cao hơn cho những người hành nghề kế toán nói riêng và cho hệ thống kế toán Việt Nam nói chung với mục tiêu đạt sự tin nhiệm cao của xã hội, nâng cao tính chuyên nghiệp, đạt chất lượng công việc, đạt độ tin cậy cao của người sử dụng thông tin tài chính kế toán.

Thứ hai, tăng cường cho sinh viên cơ hội tiếp cận, cọ xát và rèn luyện các vấn đề thực tế liên quan đến ngành nghề.

Để thực hiện mục tiêu đào tạo gắn với thực tiễn, giúp sinh viên ngay từ khi tốt nghiệp ra trường đã có đủ hiểu biết và kinh nghiệm thực tế, giải quyết tốt công việc kế toán tại đơn vị đầy tự tin và chuyên nghiệp, tránh tình trạng các đơn vị tuyển dụng phải đào tạo lại, các trường đại học, cao đẳng đào tạo kế toán cần:

- Thành lập các trung tâm dịch vụ thực hành kế toán, xây dựng mô hình phòng kế toán ảo hoặc liên kết với doanh nghiệp ở đa lĩnh vực

để tạo cơ hội cho sinh viên có môi trường được thực hành, ứng dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ngay trên khi còn ngồi trên ghế nhà trường, hơn vậy khi sinh viên ra trường sẽ có kinh nghiệm và có đủ năng lực để đáp ứng ngay yêu cầu công việc một cách chuyên nghiệp.

- Tổ chức nhiều chương trình hoạt động ngoại khóa hấp dẫn, có khả năng thu hút số lượng lớn sinh viên tham gia hơn các cuộc thi về chuyên ngành, về nghề nghiệp, tổ chức các lớp hoặc các khóa ngắn hạn bồi dưỡng và cập nhật kiến thức thực tế do các chuyên gia kế toán - kiểm toán đảm trách... qua đó khơi gợi lòng yêu nghề, thúc đẩy sinh viên thêm hăng say tìm tòi và ham muốn trau dồi chuyên môn nghề nghiệp, đồng thời rèn luyện thêm cho sinh viên các kỹ năng mềm hơn làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề cũng hơn khả năng thích nghi cao trong môi trường năng động và áp lực.

- Có những chính sách giúp kích thích, thúc đẩy sinh viên tích lũy các chứng chỉ đào tạo ngắn hạn liên quan đến nghề nghiệp hơn chứng chỉ thực hành kế toán, chứng chỉ kế toán thuế, chứng chỉ lập báo cáo thuế, chứng chỉ lập báo cáo tài chính... để nâng cao chất lượng của sinh viên tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu về năng lực của nhân sự kế toán trong bối cảnh hội nhập kế toán quốc tế đặt ra.

Thứ ba, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên và đổi mới trong phương pháp giảng dạy.

Năng lực chuyên môn cùng với phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên cũng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Để đào tạo được nguồn nhân lực kế toán chất lượng cao, các trường phải chú ý đến việc:

- Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực nghiên cứu và năng lực ngoại ngữ cho giảng viên: yêu cầu giảng viên phải thường xuyên cập

nhật thông tin, bắt kịp và nắm vững những đổi mới của các chính sách, các chuẩn mực về IFRS, tích cực tham gia các chương trình bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, trau dồi thực tiễn nghề nghiệp, tăng cường nghiên cứu khoa học để có tích lũy dày rộng về chuyên môn phục vụ tốt cho giảng dạy; nhà trường chủ động tổ chức các hội thảo khoa học cấp trường, cấp quốc gia tạo sân chơi cho giảng viên được giao lưu học hỏi về kinh nghiệm và thực tế chuyên môn; hình thành các nhóm nghiên cứu sâu, thiết lập các quy chế làm việc để thúc đẩy giảng viên gắn liền nghiên cứu khoa học với giảng dạy, nâng cao chất lượng bài giảng.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng giúp sinh viên xử lý và giải quyết những tình huống thực tế và khả năng phán đoán trong nghề nghiệp; giúp sinh viên hiểu được bản chất của kế toán, nắm được các nguyên tắc, phương pháp kế toán chứ không tập trung vào tính toán định khoản kế toán.

- Áp dụng phương pháp giảng dạy tích hợp nhằm tổ chức, đặt ra các tình huống, hướng dẫn sinh viên biết huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết vấn đề trong các tình huống khác nhau từ đó hình thành những kiến thức, kỹ năng, phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề trong nhà trường cũng hơn thực tế.

- Sử dụng các cách thức ra đề kiểm tra, cách thức tổ chức kiểm tra, cách đánh giá kết quả kiểm tra hợp lý để dẫn dắt và định hướng cho sinh viên có được thái độ sáng tạo - chủ động trong giải quyết và xử lý vấn đề.

- Thực hiện quy hoạch đào tạo giảng viên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ để dần chuẩn hóa lực lượng giảng viên.

Thứ tư, tăng cường cơ sở vật chất và tạo những điều kiện, chủ yếu là cơ chế, để các trường đại học nâng cao khả năng đào tạo, nghiên cứu. Chính phủ cần có quyết sách nhanh

và mạnh, cấp đất cho các trường. Triển khai mạnh mẽ chương trình xây dựng ký túc xá sinh viên để sinh viên an tâm cho việc học tập và nghiên cứu của mình. Các trường xây dựng đề án hình thành hệ thống thư viện điện tử chuẩn hoá, hiện đại, liên thông. Bên cạnh đó, nhà trường cần đảm bảo đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho giảng viên và sinh viên có cơ hội nghiên cứu.

Thứ năm, nghiêm chỉnh thực hiện công tác kiểm định chất lượng đại học. Các trường đại học tổ chức nghiêm túc nhiệm vụ tự đánh giá và đổi mới hoạt động đào tạo, nghiên cứu và cung cấp các dịch vụ giáo dục. Phải tạo được sự ủng hộ và cam kết mạnh mẽ của lãnh đạo; phát triển mạng lưới chuyên gia nắm được kỹ thuật, phương pháp và tổ chức đánh giá; có nguồn tài chính phù hợp và có động lực đánh giá nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng. Sớm phát triển hệ thống đánh giá ngoài bằng cách thành lập các tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục đại học độc lập như Trung tâm đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, các tổ chức đảm bảo chất lượng của các hiệp hội liên quan để tham gia đánh giá độc lập trường đại học.

Thứ sáu, tổ chức đánh giá định kỳ kết quả đổi mới đào tạo của trường.

Thành lập nhóm chuyên gia đánh giá, hội đồng đánh giá có chuyên môn giỏi nhằm đánh giá một cách khách quan chương trình đào tạo kế toán đã được đổi mới.

Tiếp tục tổ chức khảo sát đánh giá của các đơn vị sử dụng lao động về năng lực và chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên ngành kế toán – kiểm toán sau tốt nghiệp nhằm có cơ sở cho đánh giá kết quả đổi mới đào tạo của trường.

Tổ chức hội thảo với sự tham gia của các giảng viên, nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động và sinh viên để trao đổi và tiếp thu ý kiến những mặt đạt được và những mặt hạn chế trong quá trình thực hiện đổi mới đào tạo; từ đó

có các giải pháp ngày càng đi vào thực tiễn và tiến gần hơn tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán chất lượng cao.

Thứ bảy, các cơ quan quản lý hữu quan cần làm tốt công tác quản lý đào tạo, làm tốt công tác dự báo nhu cầu nhân lực và qui hoạch tổng thể về nguồn nhân lực quốc gia. Một khi thực hiện tốt công tác quản lý đào tạo sẽ tránh được tình trạng đào tạo kém chất lượng; có tác dự báo và qui hoạch nguồn nhân lực của quốc gia nếu được thực hiện khoa học và hiệu quả sẽ giúp khắc phục tình trạng mất cân đối cơ cấu về ngành nghề đào tạo, về trình độ đào tạo, tránh được tình trạng nơi thừa nhân lực thì vẫn thừa, nơi thiếu nhân lực thì vẫn thiếu như hiện nay. Có như vậy công tác đào tạo mới có khả năng tập trung mọi nguồn lực vào thực hiện tốt mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội.

5. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nói chung; “phát triển mạnh nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán chất lượng cao ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực cả về số lượng và chất lượng” (Chính phủ, 2013) ngày càng là yêu cầu bức thiết của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Để làm được điều này cần có sự quan tâm đầu tư và phối hợp đồng bộ từ nhiều phía cơ quan hữu quan; trong đó vai trò trực tiếp nhất thuộc về các trường đào tạo kế toán – kiểm toán, nơi đang trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực kế toán – kiểm toán cho tương lai. Nhiều biện pháp cần cùng được triển khai để đạt mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, một chương trình đào tạo khoa học được xây dựng dựa trên quan điểm và mục tiêu bắt kịp với yêu cầu về nhân lực thời kỳ hội nhập, nội dung và phương pháp giảng dạy chất lượng, hợp lý cùng với đội ngũ giảng viên trình độ giàu kinh nghiệm sẽ là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả

đào tạo kế toán cần đạt được. Vì thế, không cách nào khác, các trường đại học, cao đẳng cần phải nhanh chóng đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo. Cụ thể đổi mới chương

trình đào tạo, đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, đổi mới môi trường đào tạo nhằm cung ứng được cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao thời hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Đình Ánh (2016). “Khả năng hội nhập của nguồn nhân lực kế toán Việt Nam trong AEC”. Kỷ yếu Hội thảo “Brexit và cộng đồng kinh tế ASEAN dưới góc nhìn hội nhập”, trang 80 - 87. Đại học Văn Hiến.
2. Lê Thanh Bằng (2015). *Một số vấn đề về nhân lực nguồn kế toán - kiểm toán Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá*. Khai thác từ: <http://webketoan.com/threads/2779170-mot-so-van-de-ve-nhan-luc-nguon-ke-toan-kiem-toan-viet-nam-trong-boi-canhh-toan-cau-hoa/>
3. Chính phủ (2011). *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020*
4. Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển Giáo dục 2011- 2020*.
5. Chính phủ (2013). *Chiến lược Kế toán, Kiểm toán Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030*.
6. Hội Kế toán Kiểm toán, Bộ Tài chính và ACCA (2016). *Kỷ yếu hội thảo IFRS – cơ hội và thách thức khi áp dụng tại Việt Nam*. Nhà xuất bản Tài chính.
7. Nguyễn Ngọc Hùng (2016). *Tác động của nguồn nhân lực đến tăng trưởng kinh tế VN*. Khai thác từ: <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/tac-dong-cua-nguon-nhan-luc-den-tang-truong-kinh-te-viet-nam-90807.html>
8. Nguyễn Vĩnh Khương và Phùng Anh Thọ (2016). *Nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên ngành kế toán - kiểm toán trong bối cảnh khởi nghiệp hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia về Khởi nghiệp (START-UP 2016) tại Đại học Nguyễn Tất Thành TP.HCM, trang 34, NXB Khoa Học và Kỹ Thuật.
9. Bùi Thị Ngọc và cộng sự (2015). *Tình trạng việc làm của sinh viên khoa kế toán, Đại học Lao động - Xã hội - Thực trạng và giải pháp*.
<http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=1281>
10. Worldbank. *Global Competitiveness Report 2016-2017*. World Economic Forum. Khai thác từ: <https://www.weforum.org/reports/the-global-competitiveness-report-2016-2017-1>

Ngày nhận bài: 14/4/2017. Ngày biên tập xong: 17/5/2017. Duyệt đăng: 25/5/2017